



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng quan trắc môi trường
Laboratory: *Environmental Monitoring Department*

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công Ty TNHH Môi Trường Setech
Organization: *Setech environment limited company*

Số hiệu/ Code: VILAS 1303

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa
Field: *Chemical*

Người quản lý: Văn Tuấn Anh
Laboratory manager: *Van Tuan Anh*

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /10/2025 đến ngày 24/04/2026

Địa chỉ: A23No-06B Lô HH 06 khu đô thị Việt Hưng, phường Việt Hưng,
TP. Hà Nội
Address: *A23No-06B Lot HH 06 Viet Hung urban area, Viet Hung ward,
Hanoi city*

Địa điểm: A23No-06B Lô HH 06 khu đô thị Việt Hưng, phường Việt Hưng,
TP. Hà Nội
Location: *A23No-06B Lot HH 06 Viet Hung urban area, Viet Hung ward,
Hanoi city*

Điện thoại/ Tel: 0978299950

Email: setechenvironment@gmail.com

Website: http://moitruongsetech.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1303

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch, nước uống đóng chai <i>Domestic water, bottled drinking water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định chỉ số Pemanganat Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of permanganate index Titration method</i>	1,5 mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996
3.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (Mohr) <i>Determination of Chloride content Silver titration with chromate indicator (Mohr's method)</i>	15,0 mg/L	TCVN 6194:1996
4.		Xác định độ cứng tổng CaCO ₃ Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of total hardness of CaCO₃ Titration method</i>	6,0 mg/L	TCVN 6224:1996
5.		Xác định hàm lượng Sunphat Phương pháp trắc phổ <i>Determination of Sulfate content UV-Vis method</i>	10,0 mg/L	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023
6.		Xác định hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Phương pháp quang phổ UV-vis <i>Determination of nitrite (N-NO₂⁻) content UV-Vis method</i>	0,015 mg/L	TCVN 6178:1996
7.		Xác định hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Phương pháp quang phổ dùng Axit Sunfosalixylic <i>Determination of Nitrate (N-NO₃⁻) content Spectrometric method using Sulfosalicylic</i>	0,09 mg/L	TCVN 6180:1996
8.		Xác định độ màu Phương pháp quang phổ <i>Determination of Colour Spectrometric method</i>	10 mg Pt-Co/L	TCVN 6185:2015

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1303

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Nước sạch, nước uống đóng chai <i>Domestic water, bottled drinking water</i>	Xác định hàm lượng Amoni (NH_4^+ tính theo N) Phương pháp quang phổ <i>Determination of ammonium (N-NH_4^+) content</i> <i>Spectrometric method</i>	0,03 mg/L	TCVN 6179-1:1996
10.		Xác định hàm lượng As Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - kỹ thuật hóa hơi hydrua <i>Determination of As content</i> <i>Atomic absorption spectrometry method - Hydride generation vapor technique</i>	1,5 µg/L	SMEWW 3114B:2023
11.		Xác định hàm lượng Cu, Zn, Fe, Mn Phương pháp F-AAS <i>Determination of Cu, Zn, Fe, Mn content</i> <i>F-AAS method</i>	Cu: 0,07 mg/L Zn: 0,15 mg/L Fe: 0,1 mg/L Mn: 0,05 mg/L	SMEWW 3111B:2023
12.		Xác định hàm lượng Hg Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử - kỹ thuật hóa hơi lạnh <i>Determination of mercury content</i> <i>Atomic absorption spectrometry method - Cold vapor technique</i>	0,8 µg/L	SMEWW 3112B:2023
13.		Xác định hàm lượng Sunfua Phương pháp đo quang dùng xanh methylen <i>Determination of dissolved sulfide content</i> <i>Photometric method using methylen blue</i>	0,04 mg/L	TCVN 6637:2000
14.		Xác định độ đục <i>Determination of Turbidity</i>	Đến/to: 1000 NTU	SMEWW 2130B:2023
15.		Xác định hàm lượng Florua Phương pháp quang phổ <i>Determination of Fluoride content</i> <i>Spectrometric method</i>	0,09 mg/L	SMEWW 4500F-.B&D:2023
16.		Xác định hàm lượng Xyanua tổng Phương pháp quang phổ <i>Determination of total Cyanide content</i> <i>Spectrometric method</i>	0,025 mg/L	TCVN 6181:1996

Ghi chú/Note:

SMEWW: *Standard Methods for The examination of Water and Wastewater*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1303

Trường hợp Công Ty TNHH Môi Trường Setech cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công Ty TNHH Môi Trường Setech phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Setech environment limited company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

